TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ SÊ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày 19/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Đức Phượng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Hoa
2. Ông Siu Tơ Lul.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thanh Hường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Trần Thế Băng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tấn T, sinh năm 1995 tại: huyện K, tỉnh Đăk Lăk; Nơi cư trú: P, xã H, huyện P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tấn Q, sinh năm: 1962 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1964; Vợ, con: Chưa có; Nhân thân: bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử 06 tháng tù treo theo bản án số 93/2013/HSPT ngày 17/09/2013 về tội "Trộm cắp tài sản'', bị Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xử 09 tháng tù giam theo bản án số 20/2015/HSST, ngày 22/05/2015 về tội "Trộm cắp tài sản''. Đến ngày 14/09/2015, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, đã được xóa án tích. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 18/10/2018, tạm giam ngày 24/10/2018 cho đến nay; Bị cáo bị tạm giam hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Kpă T1, sinh năm 1993; tại: huyện P, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Làng T, xã R, huyện P, Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Jarai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Siu K, sinh năm: 1960 và bà Kpă H, sinh năm: 1961; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình; Có vợ: Rah Lan H, sinh năm: 1998 và 01 con: Rah Lan Cu B, sinh năm: 2017; Hiện vợ và con đang sinh sống tại làng G, xã K, huyện C, Gia Lai; Nhân thân: bị Tòa án nhân dân huyện Chư Sê xử 42 tháng tù

giam về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 40/2013/HSST ngày 28/6/2013, chấp hành xong hình phạt ngày 01/11/2015 trở về địa phương sinh sống, ngày 09/7/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 07/2019/HSST (bản án chưa có hiệu lực pháp luật). Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện IaPa theo Quyết định tạm giam số 04/2019/QĐTG ngày 09/07/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai; Tiền án: 01; Tiền sự: 00; Bị cáo bị tạm giam hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Kpă Them:* ông Thiều Hữu M – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Gia Lai (có mặt)

- *Bị hại:*

Bà Thái Thị Mỹ C, sinh năm 1973; Trú tại: Thôn I, xã Hg, huyện C, tỉnh Gia Lai (có mặt).

Bà Hoàng Thị Kim A, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn xxx, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

Chị Hoàng Thị Bảo N, sinh năm 2012; Trú tại: Thôn xxx, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai (Có đại diện theo pháp luật là Bà Hoàng Thị Kim A (là mẹ đẻ của chị N)) (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Rah Lan K, sinh năm 1997; Trú tại: T, xã R, huyện P, tỉnh Gia Lai (có mặt).

Anh Kpuih E, sinh ngày 01/1/2000; Trú tại: H, xã H, huyện P, tỉnh Gia Lai (vắng mặt)

Anh Rah Lan L, sinh năm 1997; Trú tại: K, xã R, huyện P, tỉnh Gia Lai (có mặt)

Anh Thạch B, sinh năm 1970; Trú tại: Đ, xã H, huyện P, tỉnh Gia Lai (có mặt)

Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1964; Trú tại: Đ, xã H, huyện P, tỉnh Gia Lai (có mặt)

Anh Siu I, sinh năm 1986; Trú tại: K, xã R, huyện P, tỉnh Gia Lai (có mặt)

Bà Kpă H, sinh năm 1961; Trú tại: T3, xã R, huyện P, tỉnh Gia Lai (có mặt)

- *Người phiên dịch tiếng Jarai:* Bà Nay H, Công tác tại Bệnh viện huyện C, tỉnh Gia Lai (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 17/10/2018, KPă T1 điều khiển xe mô tô hiệu Exciter màu xanh-đen, BKS: 81S1- 131.42 chở theo Nguyễn Tấn T đi trên đường Quốc Lộ 25 hướng từ xã H đi thị trấn C. Khi đến đoạn đường thuộc làng X, xã H phát hiện chị Thái Thị Mỹ C điều khiển xe mô tô chạy một mình phía trước cùng chiều, trên cổ có 01 sợi dây chuyền vàng. Lúc này T1 nói với T: "*Bà kia có vàng, giật đi"*, T đồng ý. T1 điều khiển xe BKS: 81S1-131.42 vượt

lên bên trái xe mô tô của chị C và ép xe mô tô của chị C vào lề bên phải, lúc này T ngồi sau dùng tay phải giật sợi dây chuyền trên cổ chị C. Sau khi T giật được sợi dây chuyền, T1 tăng ga tẩu thoát theo hướng thị trấn C. T1 điều khiển xe mô tô chở T đến nhà Kpuih H chơi và ngủ lại tại nhà Kpuih H. Đến sáng ngày 18/10/2018 T đưa sợi dây chuyền vàng cho T1 giữ sau đó T điều khiển xe BKS: 81S1- 131.42 trả cho Rah Lan K. Cùng ngày 18/10/2018 được sự vận động của Cơ quan Công an, Nguyễn Tấn T đến Cơ quan Công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trên.

Trong quá trình đấu tranh mở rộng điều tra vụ án, Nguyễn Tấn T khai nhận vào ngày 29/09/2018 đã cùng KPă T1 thực hiện 01 (một) vụ Cướp tài sản tại thôn xxx, xã L, huyện P, Gia Lai. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê đã thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Pưh, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Pưh đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Tấn T, KPă T1 và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai để nhập vụ án để điều tra, xử lý theo thẩm quyền. Về nội dung vụ án cụ thể như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 29/09/2018, T, T1, Kpuih E và Rah Lan L đi chơi tại huyện E, tỉnh Đăk Lăk, trên đường đi T, T, Ễ, L ghé lại quán nước của chị Hoàng Thị Kim A (Sinh năm: 1988, trú tại: Thôn xx, xã L, huyện P, Gia Lai) để uống nước, sau đó cả bọn tiếp tục đi chơi. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì T, T1, E, L đi về lại huyện P. Trên đường đi về do biết tại quán nước của chị Kim A chỉ có hai mẹ con sinh sống và khu vực quán vắng nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. T rủ T1 quay lại quán nước của chị Kim A để chiếm đoạt tài sản thì T1 đồng ý; T1 nói Ễ cùng L đi về huyện C trước và để lại xe mô tô BKS: 81P1- 249.43 cho T1 và T. Sau đó, T1 điều khiển xe 81P1- 249.43 chở T đến gần nhà của chị Kim A và để xe ở ngoài đường rồi đi bộ vào phía sau nhà. Lúc này, chị A đang ở nhà cùng với con gái là Hoàng Thị Bảo N - sinh ngày: 11/8/2012, thì nghe tiếng động nên đi ra phía sau xem. Thấy chị A, T1 bất ngờ chạy lại gần dùng tay đẩy chị A ngã ngửa nằm xuống đất, rồi dùng tay bịt miệng khống chế chị A còn T đi vào phòng ngủ nhà chị A rồi giật lấy 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 6, màu đen mà cháu N đang cầm trên tay để xem phim ở trên giường ngủ và lục ở trên giường ngủ lấy được thêm hai chiếc điện thoại đi động nữa gồm: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 108, màu đỏ. Thấy vậy, cháu N chạy tới chỗ T nhằm lấy lại chiếc điện thoại thì T giơ tay lên dọa bóp cổ cháu N, do sợ nên cháu N đứng im, không chống cự lại. Sau đó cháu N chạy ra phía sau nhà tìm mẹ thì thấy mẹ cháu là chị Kim A đang bị KPă T1 đè giữ nằm dưới nền đất sau nhà. Lúc này, cháu N có dùng tay đánh vào người T, rồi chạy ra ngoài đường kêu cứu. Sau khi Kpă T1 thấy T chiếm đoạt được tài sản chạy ra ngoài đường và thấy cháu N và chị Kim A chạy đường kêu cứu thì T1 chạy theo sau cùng với T ra chỗ để xe mô tô và T1 điều khiển xe mô tô chở T đi về thị trấn C, huyện C. Đến ngày 30/09/2018, T mang chiếc điện thoại di động NOKIA 6 đến cầm cố tại tiệm điện thoại *Hoàng Thạch* của anh Thạch B được số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng); đối với điện

thoại NOKIA 108, màu đỏ thì Thịnh giữ lại để sử dụng, còn chiếc điện thoài NOKIA 105, màu đen các đối tượng đã vứt bỏ tại huyện C, tỉnh Gia Lai (không xác định địa điểm cụ thể).

Ngày 22/10/2018, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Chư Sê, Gia Lai kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền vàng, loại vàng 18K, dạng mắt xích, trọng lượng 2,3 chỉ qua khảo sát thị trường tại thời điểm ngày 17/10/2018 thì 01 chỉ vàng 18k có giá: 2.300.000đ. Vậy giá trị 01 sợi dây chuyền vàng, loại vàng 18K, dạng mắt xích, trọng lượng 2,3 chỉ là: 2.300.000đ/01 chỉ x 2,3 chỉ = 5.290.000đ (Năm triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng).

Ngày 10/10/2018, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Chư Pưh, Gia Lai kết luận: Giá trị thực tế của 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 6, màu đen là 2.200.000đ (hai triệu hai trăm ngàn); Giá trị thực tế của 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen là 200.000đ (hai trăm ngàn); Giá trị thực tế của 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 108, màu đỏ là 350.000đ (ba trăm ngàn). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 2.200.000đ + 200.000đ + 350.000đ = 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn).

Về vật chứng của vụ án:

- Chiếc xe mô tô Exciter màu xanh – đen BKS: 81S1-13142 là phương tiện mà T và T1 sự dụng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản ngày 17/10/2018 tại làng X, xã H, huyện C. Qua xác minh xác định xe mô tô BKS: 81S1-13142 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Rah Lan K. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả cho anh Rah Lan K.

- Đối với 01 (một) sợi dây chuyền vàng, loại vàng 18K, dạng mắt xích, trọng lượng 2,3 chỉ, sau khi T và T1 cướp giật được thì T đã đưa T1 giữ. Vào ngày 18/10/2018 T1 đã vứt sợ dây chuyền tại khu vực ven đập R, xã P, huyện C, Gia Lai. Ngày 19/02/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành phối hợp với Công an huyện Ia Pa trích xuất đưa Kpă T1 đến khu vực ven đập R, xã P, huyện C, Gia Lai để truy tim sợi dây chuyền nhưng kết quả không tìm thấy.

- Đối với 01 (một) điện thoại đi động nhãn hiệu NOKIA 6, màu đen (đã qua sử dụng), 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 108, màu đỏ qua xác minh xác định tài sản trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Hoàng Thị Kim A. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Pưh đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả cho chị Hoàng Thị Kim A.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen sau khi T và T Cướp được trên đường tẩu thoát đến huyện Chư Sê đã bị rơi hư hỏng, T đã vứt trên đường đến huyện Chư Sê. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy.

- Chiếc xe mô tô Honda Blade màu đen – đỏ BKS: 81P1 - 249.43 là phương tiện mà Thịnh và Them sử dụng để thực hiện hành vi cướp tài sản ngày 29/09/2018 tại Thôn xxx, xã I, P. Qua xác minh xác định xe 81P1-249.43 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Kpuih Ễ. Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Pưh đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả cho anh Kpuih Ễ.

- Về dân sự:

Chị Thái Thị Mỹ C yêu cầu Nguyễn Tấn T và KPă T1 bồi thường số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Gia đình bị cáo Nguyễn Tấn T và bị cáo Kpă T1 đã bồi thường cho chị Thái Thị Mỹ C số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), tổng cộng 6.000.000đ (sáu triệu đồng) chị C không yêu cầu T và T1 bồi thường gì khác.

Chị Hoàng Thị Kim A đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Pưh trao trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 6, màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 108, màu đỏ, chị Anh không yêu cầu Nguyễn Tấn T và Kpă T1 phải đền bù gì thêm về mặt dân sự.

Anh Thạch B yêu cầu T, T1 phải đền bù cho anh B số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng). Hiện KPă T1 và Nguyễn Tấn T đã bồi thường đủ.

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 28/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo KPă T1 và Nguyễn Tấn T1 về tội *"Cướp tài sản" và "Cướp giật tài sản"* theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 168 và điểm d, khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đối với Kpă T1: Áp dụng Điều 38; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm e, khoản 2, Điều 168 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Kpă T1 từ 10 năm – 11 năm tù về tội *"Cướp tài sản"*. Áp dụng Điều 38; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm d, khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Kpă T từ 7 năm đến 8 năm tù về tội *"Cướp giật tài sản"*. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội bị cáo T1 phải chấp hành là 17 năm - 19 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại để thi hành án.

+ Đối với Bị cáo Nguyễn Tấn T: Áp dụng Điều 38; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e, khoản 2, Điều 168 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn T từ 8 năm đến 9 năm tù về tội *"Cướp tài sản"*. Áp dụng Điều 38; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d, khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn T từ 5 năm đến 6 năm tù về tội *"Cướp giật tài sản"*. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội bị cáo T phải chấp hành là 13 năm -15 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 18/10/2018.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen sau khi T và T1 cướp được trên đường tẩu thoát đến huyện Chư Sê đã bị rơi hư hỏng, T1 đã vứt trên đường đến huyện Chư Sê, đã tiến hành định giá xác định giá trị điện thoại là 200.000đồng. Do đó buộc mỗi bị cáo phải chịu 100.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng.

Người bào chữa cho bị cáo Kpă Them: Thống nhất về tội danh của bị cáo T1 do Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê truy tố và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên đề nghị áp dụng hình phạt cho bị cáo:

Áp dụng Điều 38; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm e, khoản 2, Điều 168 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Kpă T1 không quá 8 năm 6 tháng tù về tội *"Cướp tài sản"*. Áp dụng Điều 38; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm d, khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự xử phạt: bị cáo T1 không quá 05 năm tù về tội *"Cướp giật tài sản"*. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội bị cáo T1 phải chấp hành là không quá 13 năm 6 tháng. Về việc buộc bị cáo T1 phải nộp 100.000 đồng để sung công quỹ nhà nước đối với giá trị của điện thoại điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen của chị A là không hợp lý vì đây là tài sản của chị A, chị A không yêu cầu do đó không áp dụng.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và có lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chư Sê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, Kiểm sát viên:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo đã cùng thực hiện 02 vụ án như sau: Vụ thứ nhất vào lúc 18 giờ ngày 29/9/2018, tại Thôn xx, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai, Kpă T và Nguyễn Tấn T đã sử dụng vũ lực khống chế chị Hoàng Thị Kim A cùng cháu Hoàng Thị Bảo N và chiếm đoạt được 03 chiếc điện thoại của chị A có trị giá là: 2.750.000 đồng. Vụ thứ hai vào lúc 17 giờ 30 phút, ngày 17/10/2018 tại đường Quốc lộ 25 thuộc địa phận làng X, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai, bị cáo T1 điều khiển xe mô tô BKS 81S1- 131.42 chở T áp sát vào xe mô tô của chị Thái Thị Mỹ C và giật 01 sợi dây chuyền vàng 18K có trọng lượng 2,3 chỉ của chị C đang đeo trên cổ có trị giá 5.290.000 đồng.

Hành vi mà các bị cáo T và T1 đã thực hiện phạm vào tội *"Cướp tài sản" và "Cướp giật tài sản"* theo quy định tại Điều 168 và Điều 171 Bộ luật Hình sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã dùng vũ lực để khống chế người bị hại là chị A và cháu Hoàng Thị Bảo N dưới 16 tuổi để chiếm đoạt tài sản; Khi điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường các bị cáo đã điều khiển xe mô tô áp sát vào xe mô tô của chị C để giật dây chuyền đây là những tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 168 và điểm d, khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự. Do vậy các bị cáo Kpă T1 và Nguyễn Tấn T phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội đã thực hiện theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 168 và điểm d, khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong nhân dân nơi xảy ra vụ án và ảnh hưởng đến đời sống lành mạnh trong cộng đồng dân cư. Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, các bị cáo chỉ cùng nhau rủ rê và thực hiện nhưng vai trò của từng bị cáo trong vụ án này như sau:

Đối với Kpă T giữ vai trò là người trực tiếp thực hiện trong vụ cướp tài sản xảy ra ngày 29/9/2018 tại nhà của chị Hoàng Thị Kim A và giữ vai trò là người khởi xướng, rủ rê Nguyễn Tấn T đi Cướp giật tài sản xảy ra ngày 17/10/2019 của chị Thái Thị Mỹ C.

Đối với Nguyễn Tấn T giữ vai trò là khởi xướng rủ rê Kpă T đồng thời trực tiếp thực hiện trong vụ cướp tài sản xảy ra ngày 29/9/2018 tại nhà của chị Hoàng Thị Kim A và giữ vai trò là người trực tiếp thực hiện hành vi Cướp giật tài sản xảy ra ngày 17/10/2019 của chị Thái Thị Mỹ C.

Vì vậy, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt sau này và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy rằng: Các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo T từng phạm tội "Trộm cắp tài sản'' mặc dù đã được xóa án tích, Bị cáo Kpă T1 có 01 tiền án về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 40/2013/HSST ngày 28/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê xử bị cáo T1 42 tháng tù giam, chấp hành xong hình phạt ngày 01/11/2015 trở về địa phương sinh sống chưa được xóa án tích lại phạm tội là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo T1 đã trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho hoạt đồng điều tra, truy tố, xét xử. Ngày 09/7/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 07/2019/HSST. Do đó cần cách ly bị cáo T1 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt sau này và phòng ngừa chung. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại C và được bị hại Cxin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, đồng thời các bị cáo đã tự nguyện bồi thường trước phiên tòa cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án anh Thạch B. Đồng thời sau khi phạm tội bị cáo T đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần mức hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Đối với việc chị Hoàng Thị Kim A đang mang thai tính đến ngày 29/9/2018 là 24 tuần tuổi. Khi Kpă T1 và Nguyễn Tấn T khi thực hiện hành vi Cướp tài sản thì T và T1 không biết chị Hoàng Thị Kim A đang mang thai, vì trời tối, sự việc diễn ra nhanh, chị A cũng không nói cho các bị cáo biết. Vì vậy,

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê không đề nghị truy tố với tình tiết định khung, tăng nặng là *"Phạm tội đối với phụ nữ mà biết là có thai*" theo điểm e, khoản 2, Điều 168 Bộ luật hình sự là phù hợp. Đối với Rah Lan K là người cho T mượn xe mô tô BKS: 81P1-131.42, nhưng K không biết T sử dụng xe mô tô BKS: 81P1-131.42 làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê không có căn cứ để xử lý Rah Lan K là phù hợp.

Đối với Kpuih Ễ là người cho T và T1 mượn xe mô tô BKS: 81P1-249.43, nhưng Ễ không biết T và T1 sử dụng xe mô tô BKS: 81P1-249.43 để thực thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê không có căn cứ để xử lý Kpuih Ễ là phù hợp.

Đối với Thạch B là người cầm cố chiếc điện thoại NOKIA 6 do Nguyễn Tấn T mang đến, nhưng B không biết điện thoại NOKIA 6 là tài sản do phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê không có căn cứ để xử lý Thạch B là Phù hợp.

[5]. Về dân sự:

Chị Thái Thị Mỹ C yêu cầu Nguyễn Tấn T và KPă T1 bồi thường số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Gia đình bị cáo Nguyễn Tấn T và bị cáo Kpă T1 đã bồi thường cho chị Thái Thị Mỹ C số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), tổng cộng 6.000.000đ (sáu triệu đồng) chị C không yêu cầu T và T1 bồi thường gì khác, do đó Hội đồng xét xử miễn xét.

Chị Hoàng Thị Kim A đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Pưh trao trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 6, màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 108, màu đỏ, chị Anh không yêu cầu Nguyễn Tấn T và Kpă T1 phải bồi thường gì thêm về mặt dân sự, do đó Hội đồng xét xử miễn xét.

Anh Thạch B yêu cầu bị cáo T và T1 phải bồi thường số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng). Bị cáo T và T1 đã bồi thường cho anh B, anh B không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6]. Về vật chứng của vụ án:

- Chiếc xe mô tô Exciter màu xanh – đen BKS: 81S1-13142 là phương tiện mà T và T1 sự dụng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản ngày 17/10/2018 tại làng X, xã H, C. Qua xác minh xác định xe mô tô BKS: 81S1-13142 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Rah Lan K. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả cho anh Rah Lan K, là phù hợp nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Đối với 01 (một) sợi dây chuyền vàng, loại vàng 18K, dạng mắt xích, trọng lượng 2,3 chỉ, sau khi T và T1 cướp giật được thì T đã đưa T1 giữ. Vào ngày 18/10/2018 T1 đã vứt sợ dây chuyền tại khu vực ven đập R, xã P, huyện C, Gia Lai. Ngày 19/02/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành phối hợp với Công an huyện Ia Pa trích xuất đưa Kpă T1 đến khu vực ven đập R, xã P, huyện C, Gia Lai để truy tìm sợi dây chuyền nhưng kết quả không tìm thấy nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Đối với 01 (một) điện thoại đi động nhãn hiệu NOKIA 6, màu đen (đã qua sử dụng), 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 108, màu đỏ qua xác minh xác định tài sản trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Hoàng Thị Kim A. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Pưh đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả cho chị Hoàng Thị Kim A, là phù hợp nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen sau khi T và T1 Cướp được trên đường tẩu thoát đến huyện Chư Sê đã bị rơi hư hỏng, T1 đã vứt trên đường đến huyện Chư Sê. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy đồng thời chị A là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản này không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Chiếc xe mô tô Honda Blade màu đen – đỏ BKS: 81P1 - 249.43 là phương tiện mà Tvà T1 sử dụng để thực hiện hành vi cướp tài sản ngày 29/09/2018 tại Thôn xxx, xã L, P. Qua xác minh xác định xe 81P1-249.43 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Kpuih Ẽ. Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Pưh đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả cho anh Kpuih Ẽ, là phù hợp nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo nguồn thu nhập không ổn định, nghề nghiệp làm nông, bị cáo T1 là người dân tộc thiểu số, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo T và T1.

[8]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Kpă T1 và Nguyễn Tấn T phạm tội *"Cướp tài sản" và "Cướp giật tài sản"*.

1.1. Áp dụng Điều 38; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm e, khoản 2, Điều 168 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Kpă T1 10 (mười) năm tù về tội *"Cướp tài sản"*.

Áp dụng Điều 38; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm d, khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Kpă T1 07 (bảy) năm tù về tội *"Cướp giật tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội bị cáo T1 phải chấp hành là 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại để thi hành án.

1.2. Áp dụng Điều 38; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e, khoản 2, Điều 168 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn T 08 (tám) năm tù về tội *"Cướp tài sản"*.

Áp dụng Điều 38; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d, khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn T 05 (năm) năm tù về tội *"Cướp giật tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cả hai tội bị cáo T phải chấp hành là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 18/10/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Miễn xét .

3. Về vật chứng của vụ án, hình phạt bổ sung: Miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án: Xử buộc bị cáo T1 và bị cáo T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; bị hại có quyền kháng cáo bản án về phần trách nhiệm dân sự và phần hình phạt đối với các bị cáo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo phần liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *NCQLvà NVLQ;*
- *TAND tỉnh Gia Lai;*
- *VKSND huyện Chư Sê;*
- *CA huyện Chư Sê;*
- *THAHS;*
- *Sở tư pháp tỉnh Gia Lai.*
- *CC.THADS huyện Chư Sê;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

Vương Đức Phượng